

NGHIÊN CỨU VẬN DỤNG HỆ THỐNG CHỈ SỐ GIÁ THAY CHO BẢNG GIÁ CỐ ĐỊNH

ThS. Nguyễn Bích Lâm
Viện Khoa học Thống kê

Hiện nay, bảng giá cố định là công cụ chính của ngành Thống kê Việt Nam dùng để đánh giá chỉ tiêu giá trị sản xuất (GTSX) theo giá so sánh của hai khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế: nông, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp. Thuận lợi cơ bản trong việc áp dụng bảng giá cố định trong tính toán ở chỗ phương pháp tính đơn giản và cho ý niệm trực quan rõ ràng.

Tuy vậy, việc dùng bảng giá cố định trong đánh giá chỉ tiêu GTSX theo giá so sánh không còn phù hợp với các ngành sản xuất, trong đó đặc biệt với ngành công nghiệp chế biến vì sản phẩm của những ngành này đa dạng, chất lượng mẫu mã thay đổi theo từng năm. Nhiều sản phẩm mới xuất hiện nhưng không có giá trong bảng giá cố định, vì vậy việc tính toán mang nhiều quy ước, làm giảm chất lượng của chỉ tiêu này. Trên thế giới, hiện nay không còn một nước nào xây dựng và áp dụng bảng giá cố định trong tính toán thống kê.

Bảng giá cố định năm 1994 của thống kê Việt Nam không tránh khỏi những yếu điểm nêu trên và không cho phép ngành Thống kê tính toán đúng chỉ tiêu GTSX theo khái niệm của Tài khoản Quốc gia. Vì bảng giá cố định năm 1994 lấy giá bình quân của một quý nên xảy ra hiện tượng giá thực tế và giá so sánh của năm gốc khác nhau đối với ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Theo niên giám thống kê năm 2000, GTSX nông nghiệp của năm 1994 theo giá

thực tế và giá so sánh lần lượt là 64.876,8 tỷ đồng và 76.998,3⁽¹⁾, lệch nhau 15,74%. Tương tự đối với GTSX của ngành Lâm nghiệp và Thủy sản lần lượt lệch nhau là 14,68% và 25,24%.

Trong khoảng thời gian từ 1995 đến nay, thống kê giá và chỉ số giá của nước ta có những bước phát triển nhanh, đáng khích lệ. Một loạt các loại chỉ số giá khác nhau đã được tính toán và công bố cho người dùng tin như: chỉ số giá tiêu dùng (CPI); chỉ số giá bán buôn vật tư (WPI); chỉ số giá cước vận tải; chỉ số giá sản xuất (PPI) và chỉ số giá xuất nhập khẩu. Với hệ thống chỉ số giá hiện tại và những cải tiến trong chế độ báo cáo của thống kê chuyên ngành cho phép ngành Thống kê áp dụng phương pháp tính mới trong biên soạn các chỉ tiêu giá trị theo giá so sánh.

Do tính bức thiết và tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu; do vấn đề có liên quan tới nhiều vụ lĩnh vực thống kê, vì vậy trong chương trình nghiên cứu khoa của ngành Thống kê năm 2002 đã đề xuất nghiên cứu đề tài cấp tổng cục: “Nghiên cứu vận dụng hệ thống chỉ số giá thay cho Bảng giá cố định”. Sau một thời gian triển khai nghiên cứu đề tài đã thu được một số kết quả sau:

1. Đánh giá ưu, nhược điểm của việc dùng bảng giá cố định

a. Ưu điểm: Bảng giá cố định được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn. Ưu điểm cơ bản của bảng giá cố định trong

tính toán các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh là ở chỗ phương pháp tính đơn giản, cho ý niệm trực quan rõ ràng và phù hợp với tính toán chỉ tiêu GTSX trong nền kinh tế kế hoạch tập trung. Ngành Thống kê tận dụng ưu điểm này đã ban hành một loạt chế độ báo cáo thống kê theo giá cố định.

b. Nhược điểm. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đơn vị sản xuất luôn áp dụng thành tựu mới của khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành, đổi mới sản phẩm để đáp ứng nhu cầu và thị hiếu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng. Nhiều sản phẩm mới xuất hiện nhưng không có tên và giá trong bảng giá cố định.

Bảng giá cố định chỉ lập cho sản phẩm thuộc khu vực sản xuất vật chất, trong khi đó đóng góp của khu vực dịch vụ trong GDP ngày càng tăng đòi hỏi phải có phương pháp đánh giá tăng trưởng kinh tế của khu vực này.

c. Thực trạng việc đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá so sánh. Thực trạng đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá so sánh ở Tổng cục Thống kê cũng như tại các Cục Thống kê vẫn còn bất cập. Phương pháp tính chưa được nghiên cứu thấu đáo, công cụ tính còn thiếu dẫn tới tình trạng không thống nhất giữa tổng cục với các cục thống kê và giữa các cục thống kê với nhau. Phương pháp áp dụng ở một số ngành kinh tế không tuân theo nguyên tắc tính theo giá so sánh.

2. Đề xuất phương pháp tính dùng để đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá so sánh trong thời gian tới

Ứng với ba loại chỉ số: Chỉ số giá, chỉ số khối lượng và chỉ số giá trị, các nhà thống kê đã đưa ra ba phương pháp cơ bản để tính chỉ tiêu GDP theo giá so sánh, đó là:

phương pháp xác định giá trị trực tiếp từ lượng và giá của từng loại sản phẩm; phương pháp giảm phát; và phương pháp ngoại suy theo khối lượng.

Mỗi phương pháp có ưu và nhược điểm riêng và phù hợp với đặc điểm của từng ngành kinh tế. Tuy vậy, phương pháp giảm phát đã chứng tỏ tính ưu việt hơn so với hai phương pháp còn lại theo nghĩa chất lượng đánh giá chỉ tiêu theo giá so sánh tốt hơn; khắc phục được nhược điểm về sản phẩm mới do hai phương pháp kia mắc phải và đặc biệt phù hợp với khu vực dịch vụ. Tổng cục Thống kê đã quyết định sử dụng phương pháp giảm phát trong những năm tới.

Việc áp dụng phương pháp giảm phát đòi hỏi phải có một hệ thống chỉ số giá đầy đủ, chỉ tiêu tính theo giá so sánh cần tách đủ chi tiết và phù hợp với hệ thống chỉ số giá. Trong thời gian tới, ngành Thống kê sẽ hoàn thiện việc biên soạn hệ thống chỉ số giá theo các phương châm: Đầy đủ các loại chỉ số giá; nâng cao chất lượng; Phù hợp với chỉ tiêu kinh tế tổng hợp.

Bảng Nguồn và Sử dụng (SUT) sẽ dùng như một công cụ hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng tính chỉ tiêu GDP của toàn bộ nền kinh tế theo giá thực tế và so sánh. áp dụng phương pháp giảm phát và dùng bảng SUT làm công cụ sẽ giảm thiểu sự khác biệt khi đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá so sánh bên sản xuất và bên sử dụng.

3. Nghiên cứu xây dựng danh mục ngành sản phẩm áp dụng trong tính toán chỉ tiêu GDP theo giá thực tế và giá so sánh

Bảng danh mục ngành sản phẩm cần phải tương thích với bảng phân ngành kinh tế quốc dân của Việt Nam. Một ngành sản phẩm

bao gồm các sản phẩm giống nhau về công dụng hoặc nguyên vật liệu chính và công nghệ dùng để tạo ra sản phẩm giống nhau.

Những sản phẩm có công dụng giống nhau, hoặc có tính chất lý hóa học giống nhau phải được xếp vào cùng một ngành sản phẩm. Có ba căn cứ chính dùng để xác định các sản phẩm giống nhau, đó là: *Công dụng của sản phẩm*; *Nguyên liệu chính cấu thành sản phẩm*; và *Quy trình công nghệ sản xuất ra sản phẩm*.

Danh mục ngành sản phẩm phải có tính khả thi, khi xác định số lượng ngành sản phẩm cần lưu ý tới khả năng xử lý, tính toán và thu thập thông tin trong thực tế. Ngành sản phẩm dùng nhiều trong thống kê Tài khoản quốc gia và thống kê Giá, nên khi phân ngành sản phẩm phải chú ý tới yếu tố cấu thành và khuynh hướng biến động giá. Xây dựng bảng danh mục ngành sản phẩm cần đảm bảo một số yêu cầu cơ bản về *Tính khoa học*; *Tính thực tiễn* và *bảng phân ngành phải có ý nghĩa kinh tế*.

Cơ sở thực tiễn để tính tỷ trọng giá trị tăng thêm theo nhóm ngành sản phẩm dựa vào bảng cân đối liên ngành lập cho năm cơ sở. Bên cạnh việc dùng tỷ trọng giá trị tăng thêm của các ngành là cơ sở để đưa ra danh mục ngành sản phẩm, nên dùng thêm chỉ tiêu nhân tử sản lượng của các ngành này làm chỉ tiêu bổ trợ khi đưa ra quyết định danh mục ngành sản phẩm.

4. Hệ thống chỉ số giá của Việt nam, thực trạng và hướng cải tiến

Hệ thống chỉ số giá của Việt Nam hiện nay bao gồm các loại: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI); chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; chỉ số giá

bán sản phẩm của người sản xuất công nghiệp; chỉ số giá bán buôn vật tư cho sản xuất; chỉ số giá cước vận tải; chỉ số giá xuất, nhập khẩu; và chỉ số giá vàng và ngoại tệ.

Công thức Laspeyres được dùng để tính các loại chỉ số giá nêu trên. Ưu điểm cơ bản của công thức này là dễ tính toán, đòi hỏi ít thông tin về giá và ý nghĩa trực giác của nó thể hiện rõ ràng. Do sử dụng quyền số năm gốc cho cả thời kỳ tính toán nên đã bỏ qua ảnh hưởng thay thế sản phẩm trong tiêu dùng, do vậy dẫn tới xu hướng chỉ số giá bị thổi phồng so với thực tế.

Ngành Thống kê sử dụng hệ thống chỉ số giá chưa phù hợp do thông tin của ngành không đủ chi tiết để áp dụng tối đa hệ thống chỉ số giá hiện có; các chỉ tiêu cần loại trừ biến động của yếu tố giá không tương thích với chỉ số giá; hệ thống chỉ số giá chưa đầy đủ, đặc biệt thiếu chỉ số giá của một số ngành thuộc khu vực dịch vụ; chất lượng của một vài loại chỉ số giá chưa cao.

Vì vậy cần phát triển và hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của thống kê Tài khoản Quốc gia, các thống kê chuyên ngành và của người dùng tin. Hệ thống chỉ số giá cần phát triển và hoàn thiện theo hướng sau đây:

- Biên soạn thêm các loại chỉ số giá còn thiếu: Chỉ số giá đầu vào của ngành xây dựng; chỉ số tiền lương.

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng các loại chỉ số giá hiện có gồm (i) *chỉ số giá tiêu dùng*, cần tính và công bố chi tiết chỉ số CPI theo nhóm sản phẩm hàng hóa và dịch vụ; chỉ số CPI là sản phẩm nội địa. Chi tiết CPI phải phù hợp với nhóm ngành sản phẩm của thống kê Tài khoản Quốc gia; (ii)

Chỉ số giá sản xuất (PPI), cân tính và công bố chỉ số PPI đầu ra và đầu vào chi tiết theo nhóm ngành sản phẩm phù hợp với bảng SUT; và (iii) Chỉ số giá xuất-nhập khẩu.

5. Áp dụng thí điểm hệ thống chỉ số giá, dùng bảng SUT để tính chỉ tiêu GDP của toàn bộ nền kinh tế và chỉ tiêu GTSX của tỉnh, thành phố theo giá so sánh

a. Áp dụng hệ thống chỉ số giá và dùng bảng SUT để tính GDP của toàn bộ nền kinh tế.

i. Nghiên cứu thông tin và tính khả thi của việc cập nhật bảng SUT ở Việt Nam; Dùng bảng SUT như một công cụ mới trong thực tế đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá thực tế và so sánh.

ii. Dùng bảng SUT để tính GDP theo giá so sánh; so sánh kết quả của phương pháp mới với phương pháp hiện đang áp dụng tại Tổng cục Thống kê.

Kết quả áp dụng thí điểm cho thấy GDP theo giá thực tế tính bằng hai phương pháp có số tuyệt đối tương đương nhau nhưng cơ cấu ngành có một số thay đổi. GDP giá so sánh tính theo bảng SUT lớn hơn phương pháp truyền thống là 11,8%.

b. Áp dụng thí điểm hệ thống chỉ số giá để tính chỉ tiêu Giá trị sản xuất của tỉnh, thành phố theo giá so sánh

Tổng cục Thống kê đã áp dụng thí điểm phương pháp dùng hệ thống chỉ số giá để tính chỉ tiêu GTSX thời kỳ 2000 - 2002 của tỉnh, thành phố tại năm cục Thống kê: Hà Nội; Vĩnh Phúc; Đà Nẵng; Cần Thơ và Bình Dương. Quy trình thí điểm gồm bốn bước:

i. Cục Thống kê tách chỉ tiêu GTSX theo giá thực tế và giá cố định của khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản và khu vực

Công nghiệp theo danh mục nhóm ngành sản phẩm do Tổng cục quy định;

ii. Vụ Thống kê Thương mại, Dịch vụ và Giá cả biên soạn và gửi PPI của sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản và PPI của sản phẩm công nghiệp theo vùng cho năm Cục Thống kê;

iii. Dùng PPI của sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản và PPI của sản phẩm công nghiệp để tính chuyển chỉ tiêu GTSX từ giá thực tế về giá so sánh;

iv. So sánh chỉ tiêu GTSX theo giá so sánh của từng ngành sản phẩm tính ở bước 3 với chỉ tiêu GTSX theo giá cố định tính ở bước 1. Viết giải trình sự khác biệt giữa hai phương pháp.

Thông tin ban đầu về giá không cho phép Vụ Thống kê Thương mại, Dịch vụ và Giá cả biên soạn đầy đủ PPI theo 69 nhóm sản phẩm cho từng tỉnh nên đã ảnh hưởng tới khả năng so sánh kết quả tính toán của hai phương pháp. Từ kết quả áp dụng thí điểm, rút ra một số nhận xét ban đầu như sau:

• Tổng GTSX của hai khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản và công nghiệp tính theo phương pháp chỉ số giá lớn hơn tổng GTSX của hai khu vực này tính theo bảng giá cố định từ 0,32% đến 38,13%.

• GTSX của ngành lâm nghiệp và thủy sản tính theo phương pháp chỉ số giá và theo bảng giá cố định, không có xu hướng rõ ràng.

Kết quả tính toán không theo xu hướng nhất định có thể do một số nguyên nhân:

• Nhiều nhóm sản phẩm sản xuất ra trong thời kỳ 2000-2002 nhưng không có giá trong bảng giá cố định nên một số cục thống kê tỉnh, thành phố đã tính theo giá thực tế;

- Bảng giá cố định xây dựng theo giá bình quân quý IV năm 1994 cho cả nước không cho riêng các tỉnh;

- Chưa biên soạn đủ PPI theo 69 nhóm sản phẩm để áp dụng đúng phương pháp giảm phát.

6. Kết luận và kiến nghị

a. Kết luận. Việc nghiên cứu vận dụng hệ thống chỉ số giá thay cho bảng Giá cố định được thực hiện nhằm đổi mới phương pháp tính và nâng cao chất lượng của chỉ tiêu GDP cho toàn bộ nền kinh tế và cho tỉnh, thành phố theo giá so sánh.

Trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của thống kê quốc tế. Luận giải các ưu, nhược điểm của những phương pháp, từ đó xác định phương pháp giảm phát, dùng bảng SUT như một công cụ mới trong tính toán chỉ tiêu GDP theo giá so sánh của ngành Thống kê trong thời gian tới. Đưa ra quy trình tính chỉ tiêu GDP theo giá so sánh cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

Áp dụng kết quả đề tài sẽ làm thay đổi một phần phương thức thu thập thông tin; phương pháp đánh giá vì vậy cần phải thực hiện từng bước; có sự phối hợp đồng bộ giữa các Vụ thống kê có liên quan trong Tổng cục và các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trong cả nước.

Tại hội nghị ngành Thống kê họp trong hai ngày 5 và 6 tháng 1 năm 2004, lãnh đạo Tổng cục đã quyết định thực hiện thí điểm kết quả của đề tài trong toàn ngành Thống kê cho thời kỳ 2004-2005. Điều này thể hiện quyết tâm áp dụng phương pháp tính mới phù hợp với thực tiễn sản xuất và hạch toán của nền kinh tế nhằm nâng cao chất lượng đánh giá chỉ tiêu GDP. Quyết định thực hiện thí điểm cũng thể hiện đóng góp của đề tài vào công tác chuyên môn của ngành.

b. Kiến nghị. Để thực hiện tốt việc thí điểm, trong thời kỳ 2004-2005 cần tập trung vào các nhóm công việc chính sau đây:

- Đảm bảo chất lượng tính toán các chỉ tiêu Giá trị sản xuất; Chi phí trung gian và Giá trị tăng thêm của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản và khu vực công nghiệp theo ngành sản phẩm .

- Biên soạn đầy đủ các loại chỉ số giá sản xuất đầu ra; chỉ số giá vật tư; chỉ số giá tiêu dùng; chỉ số giá nhập khẩu phù hợp với các ngành sản phẩm.

- Cập nhật hàng năm bảng SUT dùng làm công cụ đánh giá chỉ tiêu GDP theo giá thực tế và so sánh bằng phương pháp sản xuất và phương pháp sử dụng. Đồng thời dùng bảng SUT để kiểm tra chất lượng của một số chỉ tiêu thuộc thống kê chuyên ngành.

- Trong hai năm áp dụng thí điểm, Tổng cục Thống kê nên thành lập các nhóm công tác để giúp đỡ, kiểm tra và thẩm định việc thực hiện thí điểm kết quả đề tài tại các đơn vị trong toàn ngành. Từ đó khắc phục những thiếu sót, bất cập trong quá trình áp dụng thí điểm và kịp thời sửa đổi phương pháp tính phù hợp với thực tiễn thống kê và hạch toán của đất nước.

- Tổng kết kết quả áp dụng thí điểm, hoàn chỉnh phương pháp và các vấn đề có liên quan vào cuối năm 2005, đưa vào áp dụng chính thức và không dùng bảng giá cố định từ năm 2006 trở đi

- Từ năm 2006 trở đi bắt đầu thực hiện kế hoạch và lộ trình tương tự thời kỳ 2004-2005 cho khu vực dịch vụ ■

(1) Niên giám thống kê năm 2000 trang 109 và 110 và Báo cáo của Vụ thống kê Nông nghiệp